

Số: /QĐ-ĐHNLBG-NNTH

Bắc Giang, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thi và cấp chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG

Căn cứ Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/06/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Thông tư số 21/2018/TT-BGDĐT ngày 24/08/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy chế Tổ chức và hoạt động của trung tâm ngoại ngữ, tin học;

Căn cứ Quyết định số 4663/QĐ-BNN-TCCB ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang; Quyết định số 1805/QĐ-BNN-TCCB ngày 20/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn sửa đổi các khoản 3,4,5 Điều 3 Quyết định số 4663/QĐ-BNN-TCCB;

Căn cứ Quyết định số 202/QĐ-ĐHNLBG-TCCB ngày 10/04/2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang về việc thành lập Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học;

Căn cứ Quyết định số 3286/QĐ-BNN-TCCB ngày 22/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tổ chức lại Trung tâm Ngoại ngữ, Tin học thành tổ chức có tư cách pháp nhân;

Căn cứ Quyết định số 539/QĐ-ĐHNLBG-TCHC ngày 28/7/2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang về quy định chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm Ngoại ngữ, Tin học;

Theo nội dung biên bản họp ngày 25/4/2022 và đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thi cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản - Đợt thi ngày 15,16/4/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thi và công nhận danh sách 174 thí sinh đạt yêu cầu, được cấp chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản, đợt thi ngày 15,16/4/2022 tại Hội đồng thi Trung tâm Ngoại ngữ, Tin học trực thuộc Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang. (Có danh sách thí sinh đạt yêu cầu kèm theo)

Điều 2. Trưởng các đơn vị trực thuộc có liên quan và thí sinh có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- BGH, CT HĐT (b/c);
- Như Điều 2;
- Lưu: VT, NNTH.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Quang Hà

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT YÊU CẦU ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHNLBG-NNTH ngày tháng năm 2022
của Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang)*

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
1	CNTT1016	Mã Ngọc	An	30/08/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,5	6,0	Đạt
2	CNTT1017	Hoàng Tuấn	Anh	25/06/2005	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,2	5,0	Đạt
3	CNTT1018	Mã Duy	Anh	24/04/2006	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,0	6,0	Đạt
4	CNTT1019	Nông Văn	Ban	03/05/2005	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,2	6,0	Đạt
5	CNTT1020	Mã Văn	Cảnh	23/03/1995	Lạng Sơn	Nam	Dao	8,5	7,0	Đạt
6	CNTT1021	Vi Thị Bảo	Châm	07/02/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,2	5,0	Đạt
7	CNTT1022	Lành Văn	Công	22/09/1998	Lạng Sơn	Nam	Tày	8,0	8,5	Đạt
8	CNTT1023	Đặng Nam	Cương	12/10/1996	Lạng Sơn	Nam	Dao	8,2	7,0	Đạt
9	CNTT1025	Hoàng Thanh	Dung	04/12/2005	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,5	Đạt
10	CNTT1026	Lộc Văn	Dũng	08/02/2005	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,0	6,0	Đạt
11	CNTT1027	Hoàng Đức	Duy	19/07/2006	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,2	6,5	Đạt
12	CNTT1028	Triệu Thị	Duyên	10/07/2006	Lạng Sơn	Nữ	Dao	6,0	6,5	Đạt
13	CNTT1029	Nguyễn Hoàng	Dương	06/12/2005	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,2	6,5	Đạt
14	CNTT1030	Triệu Thị	Dương	12/10/1984	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,7	8,0	Đạt
15	CNTT1031	Nông Văn	Đạt	27/09/2006	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,5	6,0	Đạt
16	CNTT1032	Hoàng Minh	Độ	05/02/2006	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,7	5,5	Đạt
17	CNTT1033	Bùi Hồng	Đức	17/06/2006	Lạng Sơn	Nam	Mường	6,5	5,5	Đạt
18	CNTT1034	Dương Kim	Đức	15/12/2004	Lạng Sơn	Nam	Dao	7,7	6,5	Đạt
19	CNTT1035	Hoàng Văn	Giang	07/08/2005	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,5	6,0	Đạt
20	CNTT1036	Trần Thị Thu	Hà	19/02/2006	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,0	6,5	Đạt
21	CNTT1038	Chu Văn	Hiến	23/08/1994	Lạng Sơn	Nam	Nùng	8,0	8,0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
22	CNTT1040	Nguyễn Đức	Hiệp	20/09/2004	Nghệ An	Nam	Kinh	6,5	6,5	Đạt
23	CNTT1041	Lộc Văn	Hiếu	16/12/2005	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	5,5	Đạt
24	CNTT1042	Phùng Đức	Hiếu	13/02/2006	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,2	6,0	Đạt
25	CNTT1043	Vi Văn	Hiếu	13/09/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	6,0	Đạt
26	CNTT1044	Vương Thanh	Hiếu	26/08/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,0	7,0	Đạt
27	CNTT1045	Bế Ngọc	Hoàng	10/11/2005	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	6,0	Đạt
28	CNTT1046	Trần Lệnh	Huân	14/03/1985	Lạng Sơn	Nam	Kinh	7,7	7,5	Đạt
29	CNTT1047	Hoàng Đình	Huy	24/03/1995	Lạng Sơn	Nam	Tày	8,5	8,0	Đạt
30	CNTT1048	Hoàng Văn	Huy	16/06/2006	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	5,0	Đạt
31	CNTT1049	Lài Thế	Huy	18/02/2005	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,2	6,0	Đạt
32	CNTT1050	Phạm Văn	Huy	28/08/2005	Lạng Sơn	Nam	Kinh	7,5	6,0	Đạt
33	CNTT1051	Nông Thị	Huyền	24/07/1985	Lạng Sơn	Nữ	Tày	8,2	7,5	Đạt
34	CNTT1052	Chu Văn	Huỳnh	02/08/2005	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,0	6,0	Đạt
35	CNTT1054	Tàng Văn	Hưng	27/10/2005	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	6,0	Đạt
36	CNTT1055	Triệu Tiến	Hương	09/10/2004	Lạng Sơn	Nam	Dao	5,7	6,0	Đạt
37	CNTT1056	Triệu Thị	Khách	09/10/2005	Lạng Sơn	Nữ	Dao	6,5	6,5	Đạt
38	CNTT1057	Hoàng Nam	Khánh	18/09/2006	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,5	6,5	Đạt
39	CNTT1058	Trần Duy	Khánh	20/08/2006	Quảng Ninh	Nam	Kinh	6,7	5,5	Đạt
40	CNTT1059	Hoàng Vĩnh	Khương	26/08/2005	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,5	6,0	Đạt
41	CNTT1060	Nguyễn Duy	Lĩnh	29/01/2005	Lạng Sơn	Nam	Kinh	7,7	6,5	Đạt
42	CNTT1061	Hoàng Thanh	Loan	05/12/2005	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,7	7,0	Đạt
43	CNTT1062	Bế Tiểu	Long	24/11/2005	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,0	7,0	Đạt
44	CNTT1063	Lý Tiểu	Long	14/02/2006	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,2	7,0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
45	CNTT1064	Trần Văn	Long	11/09/2006	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,2	6,5	Đạt
46	CNTT1065	Hoàng Văn	Luân	10/02/2005	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,2	7,0	Đạt
47	CNTT1066	Vi Văn	Luân	19/02/2005	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,5	5,5	Đạt
48	CNTT1067	Vi Văn	Luân	11/08/1990	Lạng Sơn	Nam	Tày	8,0	7,5	Đạt
49	CNTT1068	Trương Văn	Mạnh	15/08/2005	Lạng Sơn	Nam	Kinh	7,5	5,0	Đạt
50	CNTT1069	Dương Thị	Minh	23/02/2006	Lạng Sơn	Nữ	Dao	6,0	5,0	Đạt
51	CNTT1070	Vi Ngọc	Minh	19/01/2006	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,2	5,5	Đạt
52	CNTT1071	Hoàng Văn	Nam	02/10/2006	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,0	6,5	Đạt
53	CNTT1072	Hoàng Văn	Nam	15/09/2005	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	6,0	Đạt
54	CNTT1073	Hoàng Minh	Phúc	20/02/2006	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,0	5,5	Đạt
55	CNTT1075	Vi Minh	Quân	24/06/2006	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,0	6,5	Đạt
56	CNTT1076	Đào Thảo	Quyên	24/08/2006	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	6,2	5,5	Đạt
57	CNTT1077	Chu Thị	Quỳnh	01/01/2005	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,2	6,0	Đạt
58	CNTT1078	Chu Văn	Sơn	18/05/2006	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,0	5,5	Đạt
59	CNTT1079	Hoàng Vạn	Sơn	04/01/2006	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	7,0	Đạt
60	CNTT1080	Tàng Văn	Sơn	19/08/2005	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,0	6,0	Đạt
61	CNTT1081	Đinh Bảo	Thái	21/06/2006	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	6,0	Đạt
62	CNTT1082	Chí Xuân	Thao	21/06/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,5	5,5	Đạt
63	CNTT1083	Dương Thị	Thảo	27/05/2006	Lạng Sơn	Nữ	Dao	7,5	6,5	Đạt
64	CNTT1084	Hoàng Văn	Thắng	18/03/2005	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,7	5,5	Đạt
65	CNTT1085	Nông Hồng	Thắng	15/03/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,5	6,5	Đạt
66	CNTT1087	Hoàng Thanh	Thùy	09/05/2005	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,5	6,0	Đạt
67	CNTT1088	Nông Minh	Tuấn	06/09/2006	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,2	5,0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
68	CNTT1089	Hoàng Văn	Tùng	09/06/2005	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,0	5,5	Đạt
69	CNTT1090	Mã Thế	Vinh	24/03/2005	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,2	5,0	Đạt
70	CNTT1091	Đỗ Hải	Anh	27/07/2004	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,5	5,5	Đạt
71	CNTT1092	Hoàng Thế	Anh	10/12/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	6,0	Đạt
72	CNTT1093	Hoàng Tuấn	Anh	29/08/1996	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,0	7,5	Đạt
73	CNTT1094	Hoàng	Ân	25/02/2004	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,0	5,5	Đạt
74	CNTT1095	Lưu Thanh	Bình	21/01/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	6,5	Đạt
75	CNTT1096	Nông Quốc	Cầm	23/02/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,5	6,0	Đạt
76	CNTT1097	Hoàng Mạnh	Công	10/10/1989	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,5	8,5	Đạt
77	CNTT1098	Lê Thị Thùy	Dung	25/11/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,7	5,5	Đạt
78	CNTT1099	Hoàng Mạnh	Dũng	19/10/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,5	6,0	Đạt
79	CNTT1100	Vi Đức	Duy	11/12/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	6,5	Đạt
80	CNTT1101	Hoàng Hải	Dương	19/09/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	5,0	Đạt
81	CNTT1102	Vy Văn	Điền	29/07/2004	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,0	5,5	Đạt
82	CNTT1103	Hoàng Trung	Đoàn	10/10/1982	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,5	7,5	Đạt
83	CNTT1104	Lộc Thị	Giang	10/10/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,2	6,0	Đạt
84	CNTT1105	Nông Văn	Giòng	21/07/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,2	5,5	Đạt
85	CNTT1106	Nông Văn	Hải	17/09/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,5	6,0	Đạt
86	CNTT1107	Trần Văn	Hải	01/03/1977	Hà Nội	Nam	Kinh	8,0	7,5	Đạt
87	CNTT1108	Linh Thanh	Hiền	18/10/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,0	5,5	Đạt
88	CNTT1109	Triệu Văn	Hiệp	16/02/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	5,5	Đạt
89	CNTT1110	Vi Văn	Hiệp	18/06/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	6,5	Đạt
90	CNTT1111	Vi Văn	Hiếu	21/06/1999	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,7	8,5	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
91	CNTT1112	Trần Thị Ngọc	Hoa	13/03/1980	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	8,0	8,0	Đạt
92	CNTT1113	Nguyễn Huy	Hoàng	10/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,5	5,5	Đạt
93	CNTT1114	Vi Anh	Hoàng	11/07/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,0	6,5	Đạt
94	CNTT1115	Chu Đình	Huân	23/10/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,5	Đạt
95	CNTT1116	Phùng Văn	Hùng	11/12/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,5	6,0	Đạt
96	CNTT1117	Vi Văn	Hùng	04/10/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,2	6,0	Đạt
97	CNTT1118	Ninh Khánh	Huyền	06/10/1991	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	8,0	7,5	Đạt
98	CNTT1119	Hoàng Thanh	Hường	16/12/1994	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,5	8,0	Đạt
99	CNTT1120	Hoàng Đức	Lâm	22/01/1998	Lạng Sơn	Nam	Nùng	8,2	8,5	Đạt
100	CNTT1121	Hoàng Mạnh	Lâm	17/01/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,0	6,0	Đạt
101	CNTT1122	Vi Ngọc	Lâm	18/02/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,5	6,5	Đạt
102	CNTT1123	Trần Ngọc	Linh	12/10/2004	Lạng Sơn	Nữ	Hoa	5,5	5,5	Đạt
103	CNTT1124	Vi Thanh	Loan	05/07/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,7	6,0	Đạt
104	CNTT1125	Vy Đức	Long	01/06/1997	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,5	5,5	Đạt
105	CNTT1126	Lăng Thị Trà	My	10/10/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,7	6,5	Đạt
106	CNTT1127	Phùng Đức	Nghĩa	30/03/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,7	5,5	Đạt
107	CNTT1128	Hồ Bích	Ngọc	26/06/1985	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	8,0	8,5	Đạt
108	CNTT1129	Vi Hồng	Ngọc	07/09/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,2	5,5	Đạt
109	CNTT1130	Đỗ Thiệu	Phong	03/09/2004	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,5	6,0	Đạt
110	CNTT1131	Đàm Văn	Phúc	24/07/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	5,5	Đạt
111	CNTT1132	Lê Thị Quỳnh	Phương	19/08/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,5	6,0	Đạt
112	CNTT1133	Lưu Minh	Phương	21/03/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	7,5	Đạt
113	CNTT1134	Triệu Minh	Quyết	24/02/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,5	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
114	CNTT1135	Hoàng Thị Như	Quỳnh	10/10/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,0	5,0	Đạt
115	CNTT1136	Nông Thúy	Sinh	13/09/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,2	6,0	Đạt
116	CNTT1137	Vi Văn	Thành	17/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	5,5	Đạt
117	CNTT1138	Hoàng Văn	Thiện	08/04/2001	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,0	6,0	Đạt
118	CNTT1139	Nông Thị	Thu	29/02/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,0	6,5	Đạt
119	CNTT1140	Đàm Thị Ngọc	Thúy	21/08/1989	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,7	8,0	Đạt
120	CNTT1141	Đàm Văn	Tín	03/07/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	5,5	Đạt
121	CNTT1142	Nguyễn Văn	Toản	30/12/2004	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,5	5,5	Đạt
122	CNTT1143	Hoàng Xuân	Trường	15/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	5,5	Đạt
123	CNTT1144	Mai Xuân	Trường	29/02/2004	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,2	5,5	Đạt
124	CNTT1145	Triệu Văn	Trường	12/02/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	6,5	Đạt
125	CNTT1146	Vi Nhật	Tùng	16/12/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,2	5,5	Đạt
126	CNTT1147	Lương Thanh	Tuyền	15/03/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	6,5	Đạt
127	CNTT1148	Chu Văn	Viện	24/05/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,5	5,0	Đạt
128	CNTT1150	Hoàng Văn	Vinh	09/01/1990	Lạng Sơn	Nam	Nùng	8,2	8,5	Đạt
129	CNTT1151	Bùi Huy	Giang	18/06/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,5	6,0	Đạt
130	CNTT1152	Nguyễn Thị Hồng	Giang	20/03/1987	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,7	7,5	Đạt
131	CNTT1153	Bùi Thị	Hằng	21/07/1997	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,0	7,5	Đạt
132	CNTT1154	Lê Thị	Hiên	23/04/1991	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,5	8,5	Đạt
133	CNTT1155	Nguyễn Thị	Hiên	04/10/1987	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,2	8,0	Đạt
134	CNTT1156	Nông Thị	Hiên	26/03/1998	Bắc Giang	Nữ	Nùng	7,5	7,0	Đạt
135	CNTT1157	Bế Thị	Huyền	15/05/1990	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	8,0	Đạt
136	CNTT1158	Đỗ Thị	Hương	01/08/1978	Hải Phòng	Nữ	Kinh	7,7	7,0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
137	CNTT1159	Lương Hồng	Khánh	01/10/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,7	5,5	Đạt
138	CNTT1161	Ngô Thị	Linh	20/07/1996	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,5	7,5	Đạt
139	CNTT1162	Lê Thị	Luyến	15/01/1987	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	7,5	Đạt
140	CNTT1163	Phạm Thị Hương	Ly	25/11/1994	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,0	7,5	Đạt
141	CNTT1164	Trần Tiến	Mạnh	13/11/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,5	6,0	Đạt
142	CNTT1165	Hoàng Thị	Nghệ	08/02/1985	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	8,0	8,0	Đạt
143	CNTT1166	Trần Đình	Nghiêm	12/04/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,2	6,5	Đạt
144	CNTT1167	Phạm Thị	Oanh	03/09/1998	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,0	7,5	Đạt
145	CNTT1168	Dương Thị Lệ	Quyên	27/03/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,5	8,0	Đạt
146	CNTT1169	Hoàng Thị Hồng	Thắm	19/02/1989	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,5	7,5	Đạt
147	CNTT1170	Hoàng Thị	Thu	26/07/1994	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,7	8,0	Đạt
148	CNTT1171	Nguyễn Thị	Thúy	10/03/1992	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,0	8,0	Đạt
149	CNTT1172	Nguyễn Thị	Thùy	04/08/1988	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	7,5	Đạt
150	CNTT1173	Dương Thị	Thủy	12/01/1984	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,7	7,5	Đạt
151	CNTT1174	Ngô Thị	Thủy	15/06/1985	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	8,0	Đạt
152	CNTT1175	Nguyễn Đình	Tú	13/01/1996	Bắc Giang	Nam	Kinh	8,0	8,0	Đạt
153	CNTT1176	Ngô Quốc	Tuấn	20/09/1992	Lạng Sơn	Nam	Tày	8,2	7,5	Đạt
154	CNTT1177	Nguyễn Minh	Tuấn	22/12/1983	Bắc Giang	Nam	Kinh	8,0	7,5	Đạt
155	CNTT1178	Nguyễn Đình	Tùng	11/02/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,7	6,0	Đạt
156	CNTT1179	Giáp Thị	Tuyên	06/12/1976	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	7,0	Đạt
157	CNTT1180	Đỗ Văn	Vàng	01/04/1995	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,7	7,0	Đạt
158	CNTT1181	Hoàng Ngọc	Biên	25/04/1970	Lạng Sơn	Nam	Nùng	8,7	8,5	Đạt
159	CNTT1182	Hoàng Quang	Huy	11/10/2006	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,0	6,0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
160	CNTT1183	Vi Thị Minh	Hương	08/03/1993	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,2	8,5	Đạt
161	CNTT1184	Hà Thúy	Liêm	28/01/1970	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,0	8,0	Đạt
162	CNTT1185	Hoàng Văn	Nam	08/10/1994	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,2	7,0	Đạt
163	CNTT1186	Hoàng Trọng	Nhiên	24/02/1985	Lạng Sơn	Nam	Kinh	7,5	8,0	Đạt
164	CNTT1187	Bế Văn	Phúc	15/09/1984	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,0	7,5	Đạt
165	CNTT1188	Vi Thị Tú	Phượng	06/05/1979	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,5	7,5	Đạt
166	CNTT1189	Hoàng Thị	Son	06/10/1980	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,7	7,5	Đạt
167	CNTT1190	Hoàng Thị Thu	Thanh	23/09/1979	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,7	8,0	Đạt
168	CNTT1191	Mã Quốc	Thụ	17/12/1996	Lạng Sơn	Nam	Nùng	8,0	8,0	Đạt
169	CNTT1192	Hoàng Thị	Thủy	20/02/1982	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,5	7,5	Đạt
170	CNTT1193	Hoàng Thị	Thủy	12/06/1993	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,5	8,0	Đạt
171	CNTT1195	Mã Văn	Toản	28/02/1987	Lạng Sơn	Nam	Dao	8,0	7,5	Đạt
172	CNTT1196	Nông Thị	Trúc	04/09/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,2	6,5	Đạt
173	CNTT1197	Lương Văn	Tuấn	12/02/1980	Lạng Sơn	Nam	Tày	8,0	7,5	Đạt
174	CNTT1198	Dương Phúc	Vượng	05/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Dao	6,2	6,5	Đạt

Số thí sinh được cấp chứng chỉ theo danh sách: 174./.